

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-8-2020.
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.
2. Ông Võ Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: ấp BT1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang; tạm trú: ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Tôn Văn S, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp BT1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: bà và ông S kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau trong sinh hoạt và làm kinh tế gia đình, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tôn Hồng N, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2000; Tôn Văn V, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2005; Hiện con chung đang sống với ông S. Khi ly hôn đồng ý để ông S tiếp tục nuôi cháu V bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ đến khi cháu V thành niên, còn cháu N đã thành niên.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn anh Tôn Văn S trình bày: Ông và bà M kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do mai mối, vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay bà M xin ly hôn ông không đồng ý, vì con thương vợ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tôn Hồng N, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2000, Tôn Văn V, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2005; Hiện con chung đang sống với ông. Cháu N hiện đã thành niên nếu Tòa án cho ly hôn ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: không có.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: bà M và ông S kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không chia sẻ được với nhau và ly thân từ đầu năm 2020. Nay, bà M yêu cầu ly hôn, ông S không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn, bà M không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà M xin ly hôn. Về con chung: bà M đồng ý để ông S nuôi cháu V. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M xin ly hôn anh S. Về con chung ông S được tiếp tục nuôi con chung, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tôn Văn S có nơi cư trú tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Tôn Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M và anh S tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà M trình bày, vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường hay cãi nhau trong sinh hoạt và làm kinh tế gia đình, đến đầu năm 2020 thì không còn chung sống với nhau không ai quan tâm đến nhau. Nhận thấy, tình cảm không còn, bà M yêu cầu ly hôn với anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S không đồng ý ly hôn nhưng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà M yêu cầu ly hôn và triệu tập ông S tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông S vẫn vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông S đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, ông S không đồng ý ly hôn nhưng lại không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều hơn. Vợ chồng không còn chung sống từ đầu năm 2020 đến nay, trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Tôn Hồng N – sinh ngày 30/3/2000, và Tôn Văn V – sinh ngày 16/6/2005; Hiện con chung đang sống với ông S. Cháu N hiện đã trưởng thành, khi ly hôn bà M đồng ý để ông S tiếp tục nuôi cháu V bà không phải cấp dưỡng nuôi, ông S yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Tòa án ghi nhận ý kiến cháu V thì cháu mong muốn được ở với ông S khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy nghĩ nên giao cháu V cho anh S được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] *Về quan hệ nợ chung*: không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M xin ly hôn với ông Tôn Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 150 ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Ông Tôn Văn S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Tôn Văn V, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2005. Đối với cháu Tôn Hồng N, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2000 đã thành niên nên không đề cập đến vấn đề nuôi con con và cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi.

Ông Tôn Văn S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận việc bà M, ông S xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà M, ông S phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008353 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà M đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- VKSND H. Chợ Mới;
- UBND xã Hòa An;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình